

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình điện tử được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài chính tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/ND-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 684/TTr-STC ngày 30 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài chính tỉnh Đồng Nai.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính và quy trình điện tử kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các nội dung công bố tương ứng tại Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải của ngành Tài chính

tỉnh Đồng Nai. Các nội dung khác tại quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, HCC.

CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI (Ban hành kèm theo Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm									
1.	1.005411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	30 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh. - Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính	Không quy định	- Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010; - Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;	T toàn trình	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2194/QĐ-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

									- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính		thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm									
1.	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	45 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận một cửa cấp xã. - Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010; - Nghị định số	Toàn trình	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành

							158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính		chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH
ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

STT	Mã số	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang
Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm						
1	1.005411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Ban hành mới	5
2	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	45 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	Ban hành mới	6

PHẦN II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

A. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và Môi trường Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Thủ tục: Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp (mã số 1.005411)

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

- Lưu đồ giải quyết:

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	Chuyên hồ sơ về Phòng chuyên môn xử lý, các cơ quan liên quan	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ: Phối hợp Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định	Phòng Chăn nuôi	10,5 ngày		
Bước 4	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		

Bước 5	Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày		
Bước 6	Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 7	UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	UBND tỉnh (Xin ý kiến + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	8 ngày (6+2)		
Bước 8	Nhận kết quả từ UBND tỉnh và chuyển cho phòng Chăn nuôi Chi cục CNTS xử lý tiếp	Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 9	Phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc để chi trả	Phòng Chăn nuôi	7,5 ngày		
Bước 10	Nhận kết quả và chuyển trả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		

B. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết tthc của Ủy ban nhân dân cấp xã Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Thủ tục: Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp (mã số 1.005412)

- Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

- Lưu đồ giải quyết:

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	02 giờ	Không quy định
Bước 2	Phân công hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo phòng/chuyên viên đầu mối Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	02 giờ	
Bước 3	- Rà soát, tổng hợp và thẩm định danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đề nghị phê duyệt 20 đối tượng được hỗ trợ - Lập báo cáo thẩm định gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	13 ngày	
Bước 4	Ký văn bản	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày	
Bước 5	Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp. Quyết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày	

	định này được gửi đến Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về nông nghiệp, tài chính		
Bước 6	Phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày
Bước 7	Niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên hệ thống thông tin, truyền thông của xã và sao gửi cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp yêu cầu	Ủy ban nhân dân cấp xã	05 ngày
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ
Tổng cộng thời gian giải quyết			45 ngày